

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/DS-PT

Ngày 09 - 02 - 2023

V/v: “Tranh chấp về  
yêu cầu bồi thường thiệt hại  
theo luật bồi thường thiệt hại Nhà Nước”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Tuyết.

*Các thẩm phán:* Ông Trần Duy Tuấn, ông Hoàng Kim Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2022/DS – PT ngày 22/11/2022 về việc “*Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại theo luật bồi thường thiệt hại nhà nước*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm 13/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân huyện E, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 334/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hồng L – sinh năm 1977, bà Cao Thị H – sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 7, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Hồng L ủy quyền cho bà Cao Thị H tham gia tố tụng tại Tòa án (Văn bản ủy quyền ngày 06/8/2021).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị H ông Võ Đình S, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: 170 B, phường T, TP. B, Đắk Lắk

**- Bị đơn:** Ủy ban nhân dân huyện E.

Địa chỉ: Số 31 Q, thị trấn A, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn T – sinh năm 1974. Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tất Đ – Chức vụ Trưởng phòng Tài nguyên môi trường huyện E. (Có mặt)

**- Người kháng cáo:** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Đình S.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn trình bày:** Ngày 16/5/2018 gia đình ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi

nhánh huyện E số tiền 900.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5212-LAV-20180116. Tài sản thế chấp là: Giấy CNQSD đất BQ 910365 do UBND huyện E cấp ngày 30/6/2014 (thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R, diện tích 250m<sup>2</sup>) và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất AI 772082 do UBND huyện E cấp ngày 13/02/2009 thửa đất số 210 tờ bản đồ số 04. Thời hạn trả nợ là ngày 16/5/2019. Tuy nhiên, ngày 08/4/2019 UBND huyện E ban hành Quyết định số 1333/QĐ-UBND (Gọi tắt là Quyết định 1333) về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 910365 đối với thửa đất số 295. Do hợp đồng tín dụng số 5212-LAV-20180116 bị vô hiệu một phần về nghĩa vụ bảo đảm tiền vay. Tài sản thế chấp bị không chế bởi Quyết định số 1333 nên gia đình ông bà không thực hiện được việc trả lãi ngân hàng rơi vào nhóm nợ xấu. Do đó, ông bà đã khởi kiện hành chính đối với Quyết định này.

Tại bản án hành chính số 46/2019/HC-ST ngày 20/11/2019 (Gọi tắt là bản án số 46) của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1333 của UBND huyện E về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 910365 đối với thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R. Sau đó, UBND huyện E đã kháng cáo bản án nêu trên và đề nghị Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án, giữ nguyên Quyết định 1333. Ngày 14/9/2020, UBND huyện Ea Súp đã rút đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 168/2020/QĐPT-HC. Do đó, bản án hành chính số 46 của TAND tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực kể từ ngày 14/9/2020. Ông bà cho rằng Quyết định 1333 của UBND huyện E đã ban hành trái pháp luật, gây thiệt hại cho gia đình ông bà thuộc trường hợp quy định tại khoản 11 Điều 17 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và Nghị định số 68//NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Như vậy việc UBND huyện E ban hành quyết định số 1333 về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ910365 đối với thửa đất số 295 tờ bản đồ trung tâm cụm xã R đã cấp cho vợ chồng bà là trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của gia đình ông bà nên ông bà khởi kiện yêu cầu UBND huyện E phải bồi thường tiền cho gia đình ông bà như sau:

1. Thu nhập kinh doanh bị mất do không khai thác được tài sản theo khoản vay  $900.000.000đ \times 0.875\%/tháng \times 28 tháng = 220.500.000đ$ . Do phát sinh chi phí, trả lãi ngân hàng trả lãi kinh doanh nên lấy số tiền này  $\times 3$  lần cụ thể:  $220.500.000đ \times 3 = 661.500.000đ$ .

2. Tiền lãi ngân hàng từ ngày 16/5/2019 đến ngày 16/11/2020 là 213.060.000đ.

3. Các chi phí đi lại, tham gia tố tụng với thời gian 28 tháng được tính bằng  $14 tháng \times 1.490.000đ/tháng lương cơ sở = 20.860.000đ$

4. Chi phí gửi đơn thư 02 năm  $\times 02 tháng lương cơ sở 1.490.000đ/tháng = 2.980.000đ$

5. Thiệt hại tổn thất tinh thần 02 năm của mức lương cơ sở:  $1.490.000đ \times 28 tháng = 41.720.000đ$

6. Thiệt hại do mất danh dự, uy tín trong 02 năm là 200.000.000đ

7. Thiệt hại do tài sản bị mất giá bán đất thấp hơn giá thị trường để trả tiền vay ngân hàng là: giá thị trường là 300.000.000đ/m<sup>2</sup> mặt đường; giá bán 200.000.000đ/m<sup>2</sup> mặt đường, thiệt hại 100.000.000đ/1m x 5m = 500.000.000đ

Tổng cộng là: **1.640.120.000đ** (Một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

**Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày như sau:**

1. Về việc thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSDĐ số BQ 910365 do UBND huyện Ea Súp cấp cho ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H, trú tại thôn 7, xã R, huyện E thửa đất số 295, tờ bản đồ trung tâm cụm xã R, huyện E:

Thực hiện phương án đền bù đã thực hiện dự án khả thi trung tâm cụm xã R, ngày 26/4/2010 UBND huyện E ban hành Quyết định số 418/QĐ -UBND (gọi tắt là Quyết định số 418) về việc giao 250m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất 295 tờ bản đồ trung tâm cụm xã R cho hộ gia đình ông Nguyễn Hồng Lam. Ngày 30/6/2014 UBND huyện E đã ban hành Quyết định 1849/QĐ-UBND cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Hồng L, thửa đất số 295 tờ bản đồ trung tâm cụm xã R, diện tích 250m<sup>2</sup> đất ở.

Đến năm 2017, hộ ông Nguyễn Hồng L có đơn khởi kiện UBND huyện E tại TAND tỉnh Đắk Lắk, trong các nội dung khởi kiện có nội dung buộc UBND huyện phải thực hiện hành vi hành chính giao mốc, ranh giới đối với diện tích đất 250m<sup>2</sup> được giao theo điều 1 Quyết định số 418.

Tại bản án số 135/2017/HC-PT ngày 24/8/2017 (Gọi tắt là bản án số 135) của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì tại phần nhận định đã thể hiện: "... Ngày 26/4/2010, UBND huyện E ban hành Quyết định số 418 giao cho hộ ông Nguyễn Hồng Lam 250m<sup>2</sup> đất tái định cư tại vị trí sát bờ rào khuôn viên trường mầm non Ea Rók, thuộc thôn 7, xã R, huyện E. Ngày 30/6/2014 UBND huyện E cấp GCNQSD đất BQ 910365 tại thửa 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R cho ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H là không đúng vị trí thửa đất được giao (thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9) ...". Đồng thời tại bản án cũng đã tuyên: "...Buộc UBND huyện E thực hiện bàn giao mốc, ranh giới đối với diện tích đất để lại không thu hồi là 250 m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, tại vị trí sát bờ rào khuôn viên trường mầm non xã R, cấp giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H theo đúng quy định của pháp luật..."

Do nhận thấy bản án qua hai cấp xét xử chưa thực sự khách quan, công bằng vì lý do:

- Việc bố trí lại 250m<sup>2</sup> đất ở cho hộ ông L sang vị trí hiện nay là đã được sự đồng ý của gia đình ông L. Đồng thời, cũng vì chuyển vị trí đất ở cho hộ ông L nên UBND huyện đã bồi thường toàn bộ tài sản cho ông L trên thửa đất số 193 tờ bản đồ số 9 với số tiền là **284.104.998 đồng**, còn nếu không di chuyển vị trí đất ở của hộ ông L mà để đất ở cho ông L ở sát bờ rào trường Mầm non (thuộc thửa đất số 193 tờ bản đồ số 9) thì tài sản này vẫn thuộc ông L sử dụng và nhà nước không phải bồi thường.

- Theo Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND huyện E, về việc phê duyệt dự án quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn xã R, thì vị trí thửa đất số 193 tờ bản đồ số 9 (giáp với hàng rào trường Mầm non xã R)

được quy hoạch là đất trường Mầm non, nhằm mở rộng khuôn viên trường mầm non R, để đáp ứng nhu cầu dạy và học bậc giáo dục mầm non của xã R (đất giáo dục). Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, buộc UBND huyện giao đất cho hộ ông Lam tại vị trí này là không thể thực hiện được, bởi vì: Việc giao đất phải đảm bảo đúng quy hoạch sử dụng đất, cụ thể theo nguyên tắc sử dụng đất được quy định tại Khoản 1 Điều 6, Luật Đất đai và không vi phạm vào những hành vi bị nghiêm cấm đã quy định tại Khoản 2 Điều 12, Luật Đất đai. Vì vậy, UBND huyện không thể giao đất ở cho ông L vào đất đã quy hoạch là mục đích xây dựng công trình công cộng.

Vì vậy, ngày 04/12/2017, UBND huyện đã có Công văn số 927/UBND-TNMT đề nghị TAND tối cao xem xét giám đốc thẩm lại bản án số 135 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng.

Xuất phát từ yêu cầu của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk đối với việc thi hành bản án số 135 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Căn cứ nội dung Bản án số 135, căn cứ Điều 106 Luật Đất đai 2013; Điều 87, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung tại điểm c, Khoản 2, Điều 56, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai thì ngày 11/10/2018, UBND huyện Ea Súp ban hành Thông báo 205/TB-UBND với nội dung là thông báo thu hồi giấy CNQSDĐ số BQ 910365 đã cấp cho ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H tại thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R vì cấp không đúng vị trí dẫn đến việc cấp GCNQSD đất thửa 295 là không đúng nguồn gốc thửa đất là Nhà nước giao theo Quyết định số 418.

Do hộ gia đình ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H không có đơn khiếu nại, nên ngày 08/4/2019, UBND huyện ban hành Quyết định số 1333/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSDĐ thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R đã cấp cho hộ ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H.

Ngoài việc thu hồi GCN thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R thì UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện giao đất, thực hiện các bước cấp GCN đối với diện tích đất để lại không thu hồi là 250m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, tại vị trí sát bờ rào khuôn viên trường mầm non xã R.

Trong quá trình thực hiện bản án số 135 thì ngày 31/7/2019, Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao có Quyết định số 42/2019/KN-NC kháng nghị giám đốc thẩm, tiếp đến ngày 06/11/2019, Tòa án nhân dân Tối cao ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 28/2019/HC-GĐT về việc hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 135 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST ngày 05/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về nội dung quyết định “Buộc UBND huyện E thực hiện bàn giao mốc, ranh giới đối với diện tích đất để lại không thu hồi là 250m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, tại vị trí sát bờ rào khuôn viên trường mầm non xã Ea Rôk, cấp giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H theo đúng quy định của pháp luật”. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 22/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành bản án số 02/2021 /HC-ST về việc kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, nội dung bản án tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H về việc “Buộc UBND huyện E thực hiện việc bàn giao mốc, ranh diện tích đất để lại không thu hồi là 250m<sup>2</sup> đất ở của thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, vị trí sát bờ rào khuôn viên trường mầm non xã R, huyện E và cấp giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H đối với thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, xã R, huyện E”.

2. Quá trình khởi kiện Quyết định số 1333 của ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H:

Sau khi UBND huyện ban hành Quyết định số 1333 thì ông L, bà H đã khởi kiện Quyết định này tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Do đó, ngày 20/11/2019 Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Bản án số 46/2019/HC-ST tuyên xử: Hủy Quyết định số 1333 của UBND huyện E về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất số BQ 910365 đã được UBND huyện E cấp ngày 30/6/2014 cho hộ ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H, đối với thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R.

3. Từ nội dung và diễn biến vụ việc nêu trên, UBND huyện E nhận thấy nội dung khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật bồi thường nhà nước do liên quan đến việc thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSDĐ thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R là không có cơ sở, không có căn cứ, bởi vì:

- Việc cấp đất tái định cư cho ông L, bà H là thực hiện theo phương án đền bù theo dự án khả thi trung tâm cụm xã R, do đó, ngày 26/4/2010 UBND huyện E ban hành Quyết định số 418 về việc giao 250m<sup>2</sup> đất ở tái định cư cho hộ gia đình ông Nguyễn Hồng L thôn 7, xã R. Ngày 30/6/2014 UBND huyện E đã ban hành Quyết định 1849/QĐ-UBND cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Hồng L, thửa đất số 295 tờ bản đồ trung tâm cụm xã R, diện tích 250m<sup>2</sup> đất ở.

Nhưng đến năm 2017, ông Nguyễn Hồng L có đơn khởi kiện UBND huyện E phải thực hiện hành vi hành chính giao mốc, ranh giới đối với diện tích đất 250m<sup>2</sup> được giao theo Điều 1 Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 26/4/2010 của UBND huyện. Vụ án đã được TAND xét xử sơ thẩm, phúc thẩm.

Qua hai cấp xét xử chưa khách quan, toàn diện chưa đúng với bản chất sự việc nên ngày 04/12/2017, UBND huyện đã có Công văn số 927/UBND-TNMT đề nghị TAND tối cao xem xét giám đốc thẩm lại bản án số 135 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng.

- Bản án số 135 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng không quyết định việc buộc UBND huyện E thu hồi GCNQSD đất số 295 đã cấp cho hộ bà Hôn, mà chỉ “Buộc UBND huyện E thực hiện bàn giao mốc, ranh giới đối với diện tích đất để lại không thu hồi là 250m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, tại vị trí sát bờ rào khuôn viên trường mầm non xã R, cấp giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H theo đúng quy định của pháp luật...”

Tuy nhiên ở đây, bản chất của việc giao đất, cấp GCNQSD đất thửa 295 tờ bản đồ trung tâm cụm xã R như trên là để thực hiện phương án đền bù theo dự án khả thi trung tâm cụm xã R. Nếu không thu hồi thửa đất số 295, mà vẫn thực hiện bàn giao mốc, ranh giới đối với diện tích đất để lại không thu hồi là 250m<sup>2</sup> đất ở

tại thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, tại vị trí sát bờ rào khuôn viên trường mầm non xã R theo nội dung bản án 135 thì hộ bà H được quyền sử dụng đối với hai thửa đất là không đúng quy định, không công bằng đối với các hộ khác cũng có đất bị thu hồi tại khu trung tâm cụm xã R.

Do đó, trong quá trình thực hiện bản án, UBND huyện E buộc phải ban hành Quyết định số 1333/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSDĐ thửa đất số 295, tờ đồ Trung 1 cụm xã R đã cấp cho hộ ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H.

Mặt khác, Quyết định giám đốc thẩm số 28/2019/HC-GĐT Tòa án nhân dân tối cao đã thể hiện nội dung: “...không có căn cứ để xác định gia đình ông L, bà H mua đấu giá diện tích 250m<sup>2</sup> tại thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có cơ sở xác định giữa Ủy ban Nhân dân huyện E và gia đình ông L, bà H đã thỏa thuận hoán đổi diện tích 250m<sup>2</sup> tại thửa đất số 193 tờ bản đồ số 9, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk sang diện tích 250m<sup>2</sup> tại thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc Ủy ban Nhân dân E thực hiện việc bàn giao mốc, ranh giới đối với diện tích 250 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 193, tờ bản đồ số 9, xã R và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H là không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất. Như vậy, gia đình ông L, bà H sẽ được quyền sử dụng đối với hai thửa đất.”

- Bản án số 46 có nhận định UBND huyện đã căn cứ Điều 106 Luật Đất đai 2013; Điều 87, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điểm c, Khoản 56, Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai để ban hành thông báo, sau đó quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Cao Thị H là không có căn cứ vì bà H không thuộc các trường hợp nhà nước thu hồi toàn bộ Giấy chứng nhận đã cấp. Tuy nhiên:

- Theo điểm d, khoản 2, Điều 106 quy định: “Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không.....” ;điểm b, khoản 2, Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi, bổ sung tại Điểm c, Khoản 56, Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định: “Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ...đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai ... ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp;”

- Bà Cao Thị H cho rằng nguồn gốc thửa đất số 295 là do UBND huyện E phân lô bán nền. Để có được GCN quyền sử dụng đất này, gia đình ông L, bà H đã phải nộp giá trị quyền sử dụng đất theo đơn giá đất ở năm 2014. Nhưng thực tế, theo biên bản làm việc ngày 31/5/2010 giữa hộ bà Cao Thị H với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Đơn xin miễn giảm tiền sử dụng đất ngày 08/8/2012 thì hộ ông L, bà H đã công nhận thửa đất số 295 là do gia đình được giao tái định cư. Việc hộ ông L phải nộp tiền sử dụng đất khi được cấp GCN QSD đất là do trước đây nhà nước thu hồi đất nông nghiệp, nay cấp lại đất ở cho hộ gia đình ông L thì phải nộp tiền sử dụng đất theo đúng quy định.

- Việc UBND huyện cấp GCN QSD đất cho hộ ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H, trú tại thôn 7, xã R, huyện E đối với thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R về việc giao đất tái định cư cho hộ ông Nguyễn Hồng L, đất ông L, bà H được cấp có nguồn gốc từ Nhà nước giao đất tái định cư và điều kiện được cấp GCN trong trường hợp theo Điều 99 Luật Đất đai 2013. Nhưng nội dung bản án số 135 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng đã nhận định rõ UBND huyện E cấp GCN QSD đất BQ 910365 tại thửa 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R cho ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H là không đúng vị trí thửa đất được giao và như vậy đồng nghĩa với việc thửa đất số 295 đã cấp GCN là không đúng nguồn gốc, không đủ điều kiện cấp GCN QSD đất. Do đó, phải thu hồi hủy bỏ GCN này.

Sau đó, UBND huyện E đã có đơn kháng cáo bản án số 46/2019/HC-ST, tuy nhiên do sau đó Tòa án nhân Tối cao đã có quyết định kháng nghị bản án số 135 nội dung liên quan đến yêu cầu buộc thực hiện việc bàn giao mốc, ranh giới diện tích đất để lại không thu hồi là 250m<sup>2</sup> đất ở của thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, vị trí sát bờ rào khuôn viên trường mầm non xã R, huyện E và cấp giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H đối với thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, xã R, huyện E bị bản án số 02/2021/HC-ST bác bỏ, không chấp nhận. Vì xét thấy quyền lợi của UBND huyện đã được đảm bảo do đó, UBND huyện đã rút đơn kháng cáo.

Vì các lý lẽ nêu trên, UBND huyện đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H về yêu cầu bồi thường thiệt hại theo luật bồi thường nhà nước do liên quan đến việc thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSDĐ thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R.

**Tại bản án sơ thẩm số 13/2022/DSST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 5; Điều 6; điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 11 Điều 17; khoản 2 Điều 28; Điều 52; Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; các Điều 589, Điều 598 Bộ luật dân sự.

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H. Tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải bồi thường chi phí đi lại và chi phí gửi đơn cho ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với tổng số tiền là 13.035.000đ (*Mười ba triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng*).

Bác các yêu cầu còn lại của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H, cụ thể: Thu nhập kinh doanh bị mất do không khai thác được tài sản theo khoản vay 900.000.000 đồng x 0.875%/tháng x 28 tháng = 220.500.000 đồng. Do phát sinh chi phí, trả lãi ngân hàng trả lãi kinh doanh nên lấy số tiền này x 3 lần cụ thể: 220.500.000 đồng x 3 = 661.500.000 đồng; Tiền lãi ngân hàng từ ngày 16/5/2019 đến ngày 16/11/2020 là 213.060.000 đồng; Thiệt hại tổn thất tinh thần 02 năm của mức lương cơ sở: 1.490.000đ x 28 tháng = 41.720.000 đồng; thiệt hại do mất danh dự, uy tín trong 02 năm là 200.000.000 đồng; Thiệt hại do tài sản bị mất giá bán đất thấp hơn giá thị trường để trả tiền vay ngân hàng là: giá thị trường

300.000.000 đồng/m mặt đường; giá bán 200.000.000đ/m mặt đường, thiệt hại 100.000.000đ/m x 5m = 500.000.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng và án phí, tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2022 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Đình S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng cho đến thời điểm hiện nay ông L, bà H vẫn đang quản lý, sử dụng thửa đất 295. Giấy CN QSD đất số BQ 910365 vẫn đang có hiệu lực nên không đồng ý với yêu cầu bồi thường của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Đình S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DSST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Đình S làm trong hạn luật định và được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Đối với yêu cầu về thu nhập kinh doanh bị mất do không khai thác được tài sản theo khoản vay 900.000.000 đồng x 0.875%/tháng x 28 tháng = 220.500.000 đồng. Do phát sinh chi phí, trả lãi ngân hàng trả lãi kinh doanh nên lấy số tiền này x 3 lần cụ thể: 220.500.000 đồng x 3 = 661.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc thu nhập kinh doanh bị mất do không khai thác được tài sản là do việc ban hành quyết định số 1333 của UBND huyện E gây ra. Mặt khác, tại Hợp đồng tín dụng số 5212-LAV-20180116 ngày 16/5/2018 thể hiện: thời hạn vay là 12 tháng (thời hạn trả là ngày 16/5/2019), mục đích vay là chăn nuôi bò, sản xuất nông nghiệp và sửa chữa nhà ở. Đến ngày 08/4/2019, UBND huyện E mới ban hành quyết định 1333 về việc thu hồi giấy chứng nhận QSD đất là tài sản mà ông L và bà H đã thế chấp. Như vậy, khi sắp hết thời hạn vay UBND huyện mới ban hành QĐ 1333, ông L và bà H đã sử dụng khoản vay



900.000.000 đồng gần hết thời hạn vay. Ngoài ra, theo công văn số 1543 ngày 17/8/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Bắc Đẩu Lắc thì Ngân hàng cũng không yêu cầu ông L và bà H phải trả nợ trước thời hạn nên cũng không ảnh hưởng đến việc kinh doanh cũng như mất thu nhập nên yêu cầu này là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu bồi thường tiền lãi ngân hàng từ ngày 16/5/2019 đến ngày 16/11/2020 là 213.060.000 đồng của nguyên đơn là không có căn cứ, bởi lẽ: Theo hợp đồng tín dụng 5212-LAV-20180116 ngày 16/5/2018, thời hạn trả khoản vay là đến ngày 16/5/2019. Như vậy, dù UBND huyện E có ban hành Quyết định số 1333 hay không thì ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H cũng phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi khi đến thời hạn trả nợ cho Ngân hàng vì đây là giao dịch dân sự giữa ông L, bà H và ngân hàng. Do đó, không có cơ sở để chứng minh cho việc Quyết định số 1333 của UBND huyện E gây ảnh hưởng dẫn đến việc ông L và bà H phải trả 213.060.000 đồng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng 5212-LAV-20180116 ngày 16/5/2018 cho ngân hàng.

Xét yêu cầu bồi thường về các chi phí đi lại, tham gia tố tụng với thời gian 28 tháng được tính bằng 14 tháng x 1.490.000 đồng/tháng lương cơ sở = 20.860.000 đồng và yêu cầu bồi thường về chi phí gửi đơn thư 02 năm x 02 tháng lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng = 2.980.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Do quyết định số 1333 của UBND huyện E đã bị tuyên hủy nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì nguyên đơn được bồi thường về chi phí đi lại và chi phí gửi đơn thư (không bao gồm chi phí in ấn tài liệu). Xét thấy, ngày 28/5/2019, ông L và bà H có đơn khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 1333 nói trên. Bản án số 46 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên hủy quyết định 1333/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND huyện E. Ngày 14/9/2020 bản án số 46 nói trên có hiệu lực pháp luật. Như vậy, thời gian tham gia tố tụng là 15 tháng 02 ngày (từ ngày khởi kiện 12/6/2019 đến ngày 14/9/2020). Ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H yêu cầu bồi thường trong khoảng thời gian 28 tháng đối với chi phí đi lại và 02 năm về chi phí gửi đơn thư là chưa phù hợp với thực tế. Ngoài ra, ông L và bà H không cung cấp được các chứng từ cụ thể về chi phí đi lại và chi phí gửi đơn thư. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 28 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cần chấp nhận một phần yêu cầu của ông L và bà H, cụ thể như sau: Chi phí bồi thường bằng 7,5 tháng lương cơ sở = 1.490.000đồng/ tháng x 7,5 = 11.175.000 đồng và chi phí gửi đơn thư đến cơ quan nhà nước được bồi thường trong thời gian 15 tháng 02 ngày x mức lương cơ sở 1.490.000 đồng tương đương số tiền 1.860.000 đồng. Tổng số tiền phải bồi thường là 13.035.000đ (Mười ba triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng) là phù hợp.

Xét yêu cầu bồi thường về thiệt hại tổn thất tinh thần 02 năm với tổng số tiền 41.720.000 đồng và yêu cầu bồi thường về thiệt hại do mất danh dự, uy tín trong 02 năm là 200.000.000 đồng là không có cơ sở, bởi lẽ: Quyết định số 1333 có nội dung về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định trong hoạt động quản lý hành chính. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc tinh thần, danh dự,

uy tín của của mình bị xâm hại do Quyết định số 1333 của UBND huyện Ea Súp gây ra.

Đối với yêu cầu bồi thường do thiệt hại do tài sản bị mất giá bán đất thấp hơn giá thị trường để trả tiền vay ngân hàng là 500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 16/11/2020, bà Cao Thị H đã tất toán khoản vay 900.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5212-LAV20180116 ngày 16/5/2018. Đến tháng 3/2021 ông L , bà H mới bán đất cho anh Đinh Thanh H1. Như vậy, việc ông Lam, bà H bán đất thấp hơn giá thị trường không liên quan đến hợp đồng tín dụng số 5212-LAV-20180116 ngày 16/5/2018. Mặt khác, ông L , bà H cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh được việc giá trị tài sản bị giảm sút là do Quyết định số 1333 của UBND huyện E gây ra. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường này của nguyên đơn.

[3]. Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Đình Sinh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Đình S .

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DSST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Khoản 1 Điều 5; Điều 6; điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 11 Điều 17; khoản 2 Điều 28; Điều 52; Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; các Điều 589, Điều 598 Bộ luật dân sự.

[2] **Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H . Tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải bồi thường chi phí đi lại và chi phí gửi đơn cho ông Nguyễn Hồng L và bà Cao Thị H theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với tổng số tiền là 13.035.000đ (*Mười ba triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng*).

Bác các yêu cầu còn lại của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng L , bà Cao Thị H , cụ thể: Thu nhập kinh doanh bị mất do không khai thác được tài sản theo khoản vay 900.000.000 đồng x 0.875%/tháng x 28 tháng = 220.500.000 đồng. Do phát sinh chi phí, trả lãi ngân hàng trả lãi kinh doanh nên lấy số tiền này x 3 lần cụ thể: 220.500.000 đồng x 3 = 661.500.000 đồng; Tiền lãi ngân hàng từ ngày 16/5/2019 đến ngày 16/11/2020 là 213.060.000 đồng; Thiệt hại tổn thất tinh thần 02 năm của mức lương cơ sở: 1.490.000đ x 28 tháng = 41.720.000 đồng; thiệt hại do mất danh dự, uy tín trong 02 năm là 200.000.000 đồng; Thiệt hại do tài sản bị mất giá bán đất thấp hơn giá thị trường để trả tiền vay ngân hàng là: giá thị trường

300.000.000 đồng/m mặt đường; giá bán 200.000.000đ/m mặt đường, thiệt hại 100.000.000đ/m x 5m = 500.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện E;
- Chi cục THA huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Đinh Thị Tuyết**